



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0224.01-82

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu đầu nguồn
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Diên, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 01/02/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 01/02/2024 - 19/02/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,38	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0224.01-83

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu giữa nguồn lấy tại hộ dân Đào Văn Quân. Địa chỉ: đội 9, Vĩnh Khúc, Văn Giang
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Diên, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 01/02/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 01/02/2024 - 19/02/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,35	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,7	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0224.01-84

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu lấy tại căn hộ căn pt1.tv01 Vinhomes Ocean Park 3 Văn Giang
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Diên, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 01/02/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 01/02/2024 - 19/02/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,35	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,7	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.